

Bản án số: 90/2017/HSPT
Ngày 26-10-2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Quốc Hương

Các Thẩm phán: Ông Lương Đức Dương và ông Nguyễn Văn Thuyên

Thư ký phiên toà: Bà Mã Thị Kỳ – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Tố Quyên – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 26 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Nông xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2017/HSPT ngày 04 tháng 10 năm 2017 đối với các bị cáo: Phạm Quang T và Nguyễn Thị Thu H, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2017/HSST ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'Long, tỉnh Đắk Nông.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Quang T (tên gọi khác: P), sinh năm 1988 tại tỉnh Lâm Đồng; nơi ĐKKHKT: Thôn 5, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; tạm trú tại: Thôn 10, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ học vấn: 10/12; con ông Phạm M, sinh năm 1952 và bà Hồ Thị Hương L, sinh năm 1955; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Bản án số 55/2012/HSST ngày 28-9-2012 của Tòa án nhân dân huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận xử phạt 06 tháng tù về tội "*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*" (đã được xóa án tích); bị bắt tạm giam ngày 20-4-2017 - Có mặt.

2. Nguyễn Thị Thu H (tên gọi khác: N), sinh năm 1995 tại tỉnh Bình Phước; nơi ĐKKHKT: Thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở hiện nay: Thôn 10, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 10/12; con ông Nguyễn Huy H, sinh năm 1970 và bà Lưu Thị S, sinh năm 1974; chồng là Hà Phương T và 01 con sinh năm 2013; bị bắt tạm giam ngày 20-4-2017 - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Quang T (là người nghiện ma túy) chung sống với Nguyễn Thị Thu H như vợ chồng tại phòng số 7 của nhà nghỉ H thuộc thôn 10, xã Q, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. T mua ma túy dạng đá của các đối tượng tên T và Đ (không xác định

được nhân lai lịch) tại xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng để sử dụng và bán lại cho người nghiện ma túy khác để kiếm lời. Tháng 3-2017, T bán cho anh Hoàng Cao N 01 tép ma túy với số tiền 200.000 đồng, đến khoảng 17 giờ 45 phút ngày 20-4-2017, anh Hoàng Cao N gọi điện thoại cho T hỏi mua ma túy, T hẹn anh N đến cổng nhà nghỉ trên để thực hiện việc mua bán ma túy. T nói H lấy ma túy T đã để sẵn trong ống nhựa màu trắng bịt kín hai đầu mang ra cổng nhà nghỉ để đưa cho anh N và nhận 300.000 đồng, khi H đang đưa ma túy cho anh N thì bị bắt quả tang cùng với ma túy, còn anh N đã chạy thoát. Qua khám xét nơi ở của các bị cáo tại phòng số 7 cơ quan điều tra thu giữ được 01 gói nilon màu trắng bên trong chứa tinh thể màu trắng, nghi là ma túy dạng đá và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Sony Xperia màu trắng của T.

Tại Kết luận giám định số 20/PC54 ngày 26-4-2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông kết luận:

Mẫu vật thu giữ của Nguyễn Thị Thu H là chất ma túy Methamphetamin, trọng lượng mẫu vật 0,2976gam.

Mẫu vật thu giữ phòng số 7 nhà nghỉ H của Phạm Quang T là chất ma túy Methamphetamin, trọng lượng mẫu vật 1,4432gam.

Bản án Hình sự sơ thẩm số: 31/2017/HSST ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân huyện Đắk G'Long đã quyết định: Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Quang T và Nguyễn Thị Thu H phạm tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*".

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Phạm Quang T 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 20-4-2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 02 (*hai*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 20-4-2017.

- Áp dụng khoản 5 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, phạt bổ sung mỗi bị cáo 5.000.000 (*năm triệu*) đồng sung quỹ nhà nước, hình thức nộp phạt 01 (*một*) lần.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo.

Ngày 12-9-2017, bị cáo Phạm Quang T kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo Nguyễn Thị Thu H kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo hoặc cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như tại Cơ quan điều tra và phiên tòa sơ thẩm. Các bị cáo thừa nhận Tòa án nhân dân huyện Đắk G'Long xử phạt các bị cáo về tội "*Mua bán trái phép chất ma túy*" theo khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Nông, sau khi phân tích các tình tiết của vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng Hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Quang T và Nguyễn Thị Thu H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 31/2017/HSST ngày 25-8-2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'Long, tỉnh Đắk Nông.

Các bị cáo không tranh luận gì, chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, ngoài ra bị cáo Nguyễn Thị Thu H còn xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2017/HSST ngày 25 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Đắk G'Long đã kết án bị cáo Phạm Quang T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự và kết án bị cáo Nguyễn Thị Thu H về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo khoản 1 Điều 194 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với các bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra. Bị cáo T 02 lần bán ma túy cho anh Hoàng Cao N nên thuộc trường hợp phạm tội nhiều lần quy định tại điểm b khoản 2 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999, cụ thể: “*2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:*

...;

b) Phạm tội nhiều lần;”.

Bị cáo H 01 lần cùng với bị cáo T bán ma túy cho anh N nên thuộc trường hợp phạm tội quy định tại khoản 1 Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, cụ thể: “*1. Người nào tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm.”.*

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[3]. Xét nội dung kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Nguyễn Thị Thu H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo đã gây nên hậu quả nghiêm trọng, bởi việc sử dụng chất ma túy là ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người được pháp luật bảo vệ. Đặc biệt hiện nay, tại địa phương tình trạng sử dụng ma túy đã đang diễn ra rất phức tạp, trên thực tế thời gian qua, các vụ án do các đối tượng sử dụng ma túy gây ra đã đến mức báo động trong phạm vi toàn quốc, nhưng chỉ vì mục đích lợi nhuận, bị cáo không những không ngăn cản mà còn cùng với bị cáo T thực hiện hành vi mua bán ma túy. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo được tính giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm tù là có căn cứ, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Phạm Quang T và Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[5]. Đối với các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 248 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2003,

1. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Quang T và Nguyễn Thị Thu H, giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Phạm Quang T 07 (*bảy*) năm 06 (*sáu*) tháng tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 20-4-2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 02 (*hai*) năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 20-4-2017.

2. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Phạm Quang T và Nguyễn Thị Thu H mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Phòng HSNVCS – CA tỉnh Đắk Nông;
- CA huyện Đắk G’Long;
- TAND huyện Đắk G’Long;
- VKSND huyện Đắk G’Long;
- Chi cục THADS huyện Đắk G’Long;
- Bị cáo;
- Lưu: THCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Quốc Hương